TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PÁC NẶM** **TỈNH BẮC KẠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 16 /5/2023
V/v tranh chấp: *"Ly hôn, nuôi con chung* "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PÁC NẶM, TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tiến Đại
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Ma Văn Nhạc;
2. Hoàng Văn Tùng

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Cao Thị Hải Yến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Pác Nặm tham gia phiên tòa:* Ông Vi Văn Luận - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Pác Nặm xét xử công khai vụ án thụ lý số: 45/2022/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2022 về tranh chấp*: "Ly hôn, nuôi con chung "* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2023/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/QĐST-DS ngày 20/4/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trịnh Thị C - Sinh năm 19xx. Có đơn xin vắng mặt.
- Bị đơn: Anh Bàn Văn P - Sinh năm 19xx. Văng mặt (lần 2)

Cùng địa chỉ: Thôn K, xã N, huyện P, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Trịnh Thị C trình bày:*

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chị kết hôn với anh Bàn Văn P trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N , huyện P, tỉnh B vào ngày 28/5/2018. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hoà thuận hạnh phúc . Sau phát sinh nhiều mâu thuẫn , nguyên nhân do anh P thường xuyên chơi lô đề , cờ bạc dẫn tới nợ nần làm ảnh hướng đến kinh tế của gia đình , vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Vợ chồng chị đã sống ly thân từ tháng 3/2021. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị không còn tình cảm với anh P nữa do vậy kiên quyết xin được ly hôn với anh Bàn Văn P.

- **Về con chung**: Chị và anh P có một con chung tên Trịnh Vinh Q sinh ngày 26/02/20xx, con chung khỏe mạnh và phát tr iển bình thường. Sau ly hôn, chị có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung đến khi đủ 18 tuổi. Chị không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung:

+ Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Vợ chồng chị không có nợ chung.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 09/02/2023 anh Bàn Văn P trình bày:*

- **Về quan hệ hôn nhân:** Anh kết hôn với chị Trịnh Thị C trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện P, tỉnh B vào ngày 28/5/2018. Quá trình chung sống giữa hai vợ chồng thời gian đầu hòa thuận, hạnh phúc. Sau phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp tính tình, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Vợ chồng đã sống ly thân được hơn một năm nay và không còn quan tâm, liên lạc gì với nhau nữa. Anh xác định không còn tình cảm gì với chị C nữa. Nhưng chỉ nhất trí ly hôn nếu chị C trả cho anh số tiền 10.000.000 đồng và một bung ruộng vì anh đi làm rể của nhà chị C. Số tiền này bao gồm 8.000.000 đồng là tiền ngày trước anh đi làm thuê gửi cho mẹ vợ tôi để mua trâu, còn 2.000.000 đồng là tiền thuê múc ruộng.

- **Về con chung**: Vợ chồng anh có một con chung tên Trịnh Vinh Q sinh ngày 26/02/2018, con chung khỏe mạnh và phát triển bình thường. Nếu ly hôn, anh có nguyện vọng được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Trịnh Vinh Q đến khi con chung đủ 18 tuổi. Không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Quá trình chung sống, chúng tôi không có tài sản chung, nợ chung.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 10/3/2023 chị C trình bày:*

Đối với yêu cầu của anh P về số tiền 10.000.000 đồng và một bung ruộng thì chị không chấp nhận. Vì anh chị kết hôn với nhau nhưng vẫn ở chung với bố mẹ đẻ của chị, quá trình chung sống vợ chồng không tạo lập được tài sản chung gì nên không có ruộng để chia cho anh P. Đối với số tiền 8.000.000 đồng anh P gửi cho mẹ chị thì chị đã lấy 3.000.000 đồng trước đó anh P vay của anh Vi Văn Ph là anh họ của chị ở cùng thôn Khuổi Ún để trả cho anh Ph, còn 5.000.000 đồng góp cùng tiền của chị mua được một con trâu có giá khoảng 24.000.000 đồng nhưng sau này chị bị bệnh nên đã bán trâu đi để lấy tiền chữa bệnh hết. Về số tiền 2.000.000 đồng thuê múc ruộng, ban đầu anh P mượn của hàng xóm về trả công múc ruộng nhưng sau này thì bố mẹ chị cũng là người đi trả nợ cho hàng xóm tiền múc ruộng này.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 10/3/2023 bà Triệu Thị Ph (mẹ đẻ chị C) trình bày:*

Vợ chồng anh chị C - P lấy nhau trên cơ sở tụ nguyện, sau khi lấy nhau hai vợ chồng chung sống cùng gia đình bà suốt và không tạo dụng được tài sản gì. Đối với ruộng đất là của ông cha để lại nên không có để chia cho P, đối với khoản tiền P yêu cầu thì không có căn cứ để chấp nhận. Vì trong đó đã lấy 3.000.000 đồng để trả cho anh Ph do trước đó anh P vay của anh Vi Văn Ph, còn 5.000.000 đồng góp cùng tiền cùng mua được một con trâu có giá khoảng 24.000.000 đồng nhưng trâu đã bán từ lâu. Về số tiền 2.000.000 đồng thuê múc ruộng, ban đầu anh P mượn của hàng xóm về trả công múc ruộng nhưng sau này thì bà cũng là người đi trả nợ cho hàng xóm tiền múc ruộng này.

** Tại các biên bản xác minh ngày 10/3/2023 đối với Trưởng thôn K và Trưởng Công an xã N đã thể hiện:*

Chị C và anh P có cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, hiện nay anh chị đã sống ly thân. Nay anh P không có mặt tại địa phương và không thông báo cho Chính quyền địa phương biết đang làm, gì ở đâu.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tiến hành triệu tập và niêm yết hợp lệ các văn bản như: Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh P đều vắng mặt không có lý do nên không tiến hành hòa giải được.

** Tại phiên tòa:*

- Nguyên đơn chị Trịnh Thị C có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu theo đơn khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Bàn Văn P và được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Pác Nặm tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng quy định của pháp luật; nguyên đơn chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành đúng các quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục giải quyết vụ án theo luật định.

+ Về nội dung: Căn cứ vào Khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trịnh Thị C; không chấp nhận yêu cầu của anh P về việc yêu cầu chị C trả số tiền 10.000.000đ và một bung ruộng; về án phí: Chị Trịnh Thị C phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi Hội đồng xét xử thảo luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử

nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Trịnh Thị C có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn giải quyết vụ việc xin ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tống đạt, niêm yết hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án; các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bị đơn anh Bàn Văn P nhưng anh P vẫn cố tình không có mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Nguyên đơn chị Trịnh Thị C có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải. Do vậy căn cứ vào Khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án này thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Bàn Văn P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, anh P đã biết được Tòa án đang tiến hành giải quyết việc ly hôn giữa anh và chị C nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và không có yêu cầu phản tố. Chị C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ Điều 227, Điều 228, điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các bên đương sự là đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu chị Trịnh Thị C thấy:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Theo lời khai của chị C và anh P, biên bản xác minh tại địa phương và gia đình xác định chị C và anh P kết hôn với nhau từ tháng 5 năm 2018, sau khi kết hôn sống chung với gia đình nhà vợ, thời gian đầu hòa thuận hạnh phúc sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn và đã sống ly thân mỗi người một nơi, không có quan tâm gì đến nhau. Điều đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị C và anh P đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị C.

2.2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Chị C và anh P có một con chung tên tên Trịnh Vinh Q sinh ngày 26/02/2018, con chung khỏe mạnh và phát triển bình thường. Khi ly hôn nguyện vọng của chị C là được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung đến khi con đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy anh P là bố đẻ nhưng cũng thường xuyên không có mặt ở nhà nên không có khả năng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, chị C có đủ sức khỏe để lao động, có việc làm và thu nhập, có khả năng nuôi con nên yêu cầu của chị C về nuôi con chung là có căn cứ, phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

2.3. Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết

nên HĐXX không xem xét giải quyết.

2.4. Về nợ chung: Chị C và anh P khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

2.5. Tại biên bản lấy lời khai ngày 09/02/2023 anh P có yêu cầu chỉ nhất trí ly hôn nếu chị C trả cho anh số tiền 10.000.000 đồng và một bung ruộng vì anh đi làm rể của nhà chị C, ngoài ra anh không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì liên quan đến yêu cầu đó. Đối với yêu cầu của anh P về số tiền 10.000.000đ và một bung ruộng không có cơ sở để xem xét chấp nhận.

[3] Xét ý kiến phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Pác Nặm tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của HĐXX nên ghi nhận.

[4] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; buộc chị Trịnh Thị C phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Pác Nặm. Chị C đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 147, 227, 228, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trịnh Thị C đối với anh Bàn Văn P. Chị Trịnh Thị C được ly hôn với anh Bàn Văn P.

2. Về con chung: Giao con chung tên là Trịnh Vinh Q sinh ngày 26/02/2018, con chung khỏe mạnh và phát triển bình thường cho chị Trịnh Thị C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về cấp dưỡng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về tài sản chung, nợ chung:

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có

5. Các vấn đề khác: Không chấp nhận yêu cầu của anh P về khoản tiền 10.000.000đ và một bung ruộng.

6. Về án phí: Chị Trịnh Thị C phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0000815 ngày 19/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Pác Nặm. Chị C đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị Trịnh Thị C và anh Bàn Văn P có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Kạn (01b);
- VKSND tỉnh Bắc Kạn (01b);
- VKSND huyện Pác Nặm (01b);
- Chi cục THA DS h Pác Nặm (Án có hiệu lực - 01b);
- Các đương sự (02b);
- UBND xã Nghiên Loan (01b);
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đã ký

Phạm Tiến Đại